TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ---------- Số: 48/2017/ QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *G, ngày 20 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 53/2017/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Trương Thị M,** sinh năm 1993

Trú tại: Đội 1, thôn L, xã G, huyện G, tỉnh N

và Bị đơn: **Anh Ngô Văn T**, sinh năm 1993

Trú tại: Đội 1, thôn L, xã G, huyện G, tỉnh N

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình
- Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: **Chị Trương Thị M,** sinh năm 1993

Trú tại: Đội 1, thôn L, xã G, huyện G, tỉnh N

và Bị đơn: **Anh Ngô Văn T,** sinh năm 1993

Trú tại: Đội 1, thôn L, xã G, huyện G, tỉnh N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể nh- sau:

2.1: Về quan hệ con chung: Chị Trương Thị M và anh Ngô Văn T đều xác nhận anh chị có 01 con chung: Cháu là Ngô Nam T, sinh ngày 05/6/2015. Hai bên thoả thuận giao cháu Ngô Nam T cho chị Trương Thị M trực tiếp nuôi d- ỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Ngô Văn T phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp d- ỡng nuôi con chung cho chị Trương Thị M 2.000.000 đồng/1tháng. Kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2017 cho đến khi cháu Ngô Nam T đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai đ- ợc cản trở.

Trong tr- ờng hợp bên có nghĩa vụ trậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2 Về tài sản và công nợ chung: Chị Trương Thị M và anh Ngô Văn T đều không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Toà án không xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Trương Thị M phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 150.000 đồng tiền án phí cấp d- ỡng nuôi con chung. Đ- ợc khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Mừng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số: AA/2010/04028 ngày 28/6/2017.

" Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự"

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện G*
- *Các đ- ơng sự;*
- *UBND xã T;*
- *L- u hồ sơ.*

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Thị Phi